

V + V ing	V + TO V	V+ SB + TO V	V + sb + V -bare inf
avoid (tránh )	afford (đủ khả năng)	advise (khuyên )	1 .help (giúp )
admit (thừa nhận )	agree (đồng ý )	allow ( cho phép )	2. let (cho phép)
advise (khuyên nhủ )	appear ( xuất hiện )	ask ( yêu cầu )	3.find( thấy)
appreciate (dánh giá )	arrange ( sắp xếp )	beg ( van xin )	4.seem(dường như)
complete ( hoàn thành )	ask ( hỏi , yêu cầu )	cause ( gây ra )	5.make
consider ( xem xét )	beg ( nài ni , vanxin)	challenge ( thách thức )	6.feel (cảm thấy)
continue(tiếp tục)=go on= keep on( tiếp tục	care ( chăm sóc )	convince ( thuyết phục )	(≠feel like+ V-ing)
delay ( trì hoãn )	claim (đòi hỏi,yêu cầu)	dare ( dám )	7.look like(trông như)
deny ( từ chối ) ≠ give up(tō bá)	consent ( bằng lòng )	encourage ( khuyến khích )	8.hear(nghe)
discuss ( thảo luận )	decide ( quyết định )	expect ( mong đợi )	9.observe(quan sát)
dislike ( không thích )=hate	demand ( yêu cầu )	forbid ( cấm )	10.had better(tốt hơn)
enjoy ( thích )=like=feel like=love	deserve ( xứng đáng)	force ( buộc )	11.smell(ngửi)
finish ( hoàn thành ))	expect ( mong đợi )	hire ( thuê )	12.taste(nếm)
mention (đề cập )	fail ( thất bại )	instruct ( hướng dẫn )	13.notice(chú ý)
mind ( phiền , ngại )	hesitate (do dự )	invite ( mời )	14.watch( xem)
miss (nhớ , bỏ lỡ )	hope (hi vọng )	need ( cần )	15.become(trở nên)
postpone ( trì hoãn	learn ( học )	order ( ra lệnh )	16.sound(nghe )
practice (luyện tập )	manage (sắp xếp )	permit ( cho phép )	17.cannot but ( k còn cách
quit (nghi , thôi )	mean (ý định )	persuade ( thuyết phục )	nào hơn là... )
recall ( nhắc nhớ , nhớ )	need ( cần )	remind ( nhắc nhở )	
recollect ( nhớ ra )	offer (đề nghị )	require (đò hỏi )	
recommend (nhắc nhở )	plan ( lên kế hoạch )	teach ( dạy )	
regret ( tiec rang)Ving =	prepare ( chuẩn bị )	tell( bảo )	
be sorry about Ving= be sorry sb	pretend ( giả vờ )	urge ( thúc giục )	
for Ving	promise ( hứa )	want ( muốn )	
resent (bực tức )	refuse ( từ chối )	warn ( báo trước )	
resist (kháng cự )	seem ( dường như )	Ex: She allowed me to use	
risk ( rủi ro )	struggle (đấu tranh )	her car	
spend (su dung thoi gian,)	swear ( xin thề )		
suggest (đề nghị )	threaten(đe doạ )		
tolerate (tha thứ )	volunteer ( tình nguyện )		
understand ( hiếu )	wait (đợi )		
can't help (ko thể tránh / nhin	want ( muốn )		
được )	wish ( mong )		
can't stand ( ko thể chịu đựng dc )			
can't bear ( ko thể chịu đựng dc )			
It is no use / It is no good ( vô ích)			
would you mind(có làm phiền...k)			
to be used to ( quen với )			
to be / get accustomed to (dàn			
quen với )			
to be busy ( bận rộn )			
to be worth ( xứng đáng )			
to look forward to (trông mong )			
to have difficulty(in)/ fun / trouble			
to have a difficult (in) time			

10. Would you mind \_\_\_\_\_ me how \_\_\_\_\_ the lift?  
A. to show/ to work      B. show/ work      C. showing/ to work      D. showing/ working

11. I couldn't help \_\_\_\_\_ what you said.  
A. overhear      B. overhearing      C. overheard      D. to overhear

12. Please go on \_\_\_\_\_. I can wait.  
A. write      B. to write      C. wrote      D. writing

13. His doctor advised him \_\_\_\_\_ jogging.  
A. to give up      B. give up      C. giving up      D. gave up

14. Do stop \_\_\_\_\_. I am doing my homework.  
A. talk      B. talking      C. to talk      D. talked

15. Mrs. Jones: I don't allow my family \_\_\_\_\_ at all.  
A. smoking      B. to smoke      C. smoked      D. smoke

16. I am beginning \_\_\_\_\_ what you mean.  
A. to understand      B. understand      C. understanding      D. A & C

17. After walking for three hours, we stopped to let the others \_\_\_\_\_ with us.  
A. to catch      B. catching      C. catch      D. A & B

18. Your windows need \_\_\_\_\_. Would you like me to do them for you?  
A. to be cleaned      B. to clean      C. cleaning      D. A & C

19. It is interesting \_\_\_\_\_.  
A. to watch      B. watching      C. watch      D. watched

20. My mother made me \_\_\_\_\_.  
A. staying      B. to stay      C. stayed      D. stay

21. The librarian asked us \_\_\_\_\_.  
A. don't make      B. not make      C. not making      D. not to make

22. I told you \_\_\_\_\_.  
A. to switch off      B. don't switch off      C. not switch off      D. switch off

23. He advised them \_\_\_\_\_.  
A. to not talk      B. not to talk      C. to talk not      D. don't talk

24. Judy suggested \_\_\_\_\_.  
A. to go      B. go      C. going      D. went

25. Tom refused \_\_\_\_\_.  
A. to give      B. give      C. gave      D. giving

26. Jill has decided not \_\_\_\_\_.  
A. to buy      B. buy      C. buying      D. will buy

27. There was a lot of traffic but we managed \_\_\_\_\_.  
A. to get      B. getting      C. not to get      D. got

28. Ann offered \_\_\_\_\_.  
A. look      B. to look      C. looking      D. look to

29. Would you like \_\_\_\_\_.  
A. to go      B. going      C. went      D. goes

30. Why hasn't Sue arrived yet? She promised not \_\_\_\_\_.  
A. come      B. to come      C. coming      D. came